TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST Ngày 18/10/2018. V/v Ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn T	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Qúy Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Địch Tâm
2. Bà Bồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

Trong ngày 18/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1982.

ĐKNKTT: Bản P, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975

ĐKNKTT: Bản P, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2018, bản tự khai tiếp theo ngày 6/9/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ ngày 15/12/1999, trên cơ sở tự do, tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Chúng tôi chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên rượu chè chửi bới lăng nhục vợ con và cả anh em hàng xóm. Đã nhiều lần chính quyền địa phương hòa giải nhưng không được. Năm 2014 do mâu thuẫn chúng tôi đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết ly hôn cho vợ chồng tôi, tuy nhiên chúng tôi đã được Tòa án hòa giải về đoàn tụ, anh T đã viết cam kết để sửa đổi xong đến nay anh T vẫn

không chịu sửa chữa thay đổi mà còn lún sâu hơn. Đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 người con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 04/6/2002 và Nguyễn Thị Hoàng T, sinh ngày 25/10/2004. Ly hôn theo nguyện vọng của hai con và nguyện vọng của tôi, tôi mong muốn là được nuôi cả hai người con. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Tnhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được giao nhận các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vắng mặt tại Tòa án không tiến hành hòa giải được và việc anh tư vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn T là những người đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật nhưng không đăng ký kết hôn, đã chung sống với nhau từ năm 1999 đến nay, theo quy định tại Điêu 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 "Việc kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định". Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 1986 " Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Theo quy định khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 " Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch." Theo quy định khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình đình năm 2014 "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Việc chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị H có yêu cầu ly hôn với anh T Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng về con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con. Trong quá trình chung sống chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn T có hai người con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 04/6/2002 và Nguyễn Thị Hoàng T, sinh ngày 25/10/2004. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai người con, anh T không có ý kiến về việc giải quyết nuôi con. Cả hai cháu đều có nguyện vọng là được ở với mẹ và chị H cũng có nguyện vọng nuôi cả hai người con. Xét thấy nguyện vọng của chị H và hai cháu là phù hợp không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do vậy cần giao cả hai người con là Nguyễn Đức T và Nguyễn Thị Hoàng T cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cho đến khi thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Hoàng Thị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản và các khoản nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao hai người con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 04/6/2002 và Nguyễn Thị Hoàng T, sinh ngày 25/10/2004 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/05909 ngày 13/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND h. T;
- Chi cục THADS h. T;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Qúy Hiệp